TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/4/2024
V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật

2. Bà Nông Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đinh Thị T - sinh năm 1989

Nơi ĐKTT và chỗ ở: xóm E, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Đinh Văn T1 - sinh năm 1989

Nơi ĐKTT và chỗ ở: xóm E, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đinh Thị T trình bày:

Bà và ông Đinh Văn T1 xây dựng gia đình vào ngày 22/12/2008 trên cơ sở do gia đình mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H (nay thuộc thành phố C), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xóm E, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ lúc bà sinh con thứ hai (năm 2020) ông T1 đã

có quan hệ ngoại tình với người khác đến nay vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Sự việc đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay ông bà đã ly thân được 05 năm nên bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được và có nguyện vọng được ly hôn với ông Đinh Văn T1.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Đinh Ngọc D, sinh ngày 29/10/2014 (giới tính: Nữ) và Đinh Ngọc Bảo T2, sinh ngày 02/5/2020 (Giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn bà đề nghị ông T1 sẽ có trách nhiệm nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và bà sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/02/2024 bị đơn Đinh Văn T1 trình bày: ông và bà Đinh Thị T kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức kễ cưới ở hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông đi làm lái xe ở bãi đá gần nhà và muốn bà T ở nhà chăm sóc 02 con nhưng bà T không nhất trí nên đến năm 2022 bà T đã đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh. Kể từ thời điểm đi làm công nhân bà T không thường xuyên về nhà thăm gia đình nhưng hàng ngày vẫn liên lạc bằng cách nhắn tin, gọi điện thoại cho cháu Đinh Ngọc D, còn với ông thì bà T không có liên lạc gì. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng chưa được hai bên gia đình và xóm hòa giải. Việc bà T cho rằng ông có quan hệ ngoại tình với người khác là không đúng. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T, mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nuôi dạy con cái nên không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về con chung: ông xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung như bà T trình bày, trường hợp ly hôn ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con, yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: quá trình chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 22/02/2024: trường hợp bố mẹ ly hôn cháu Đinh Ngọc D có nguyện vọng sống chung với bố vì thường ngày cháu đã ở với bố và bà nội.

Biên bản xác minh ngày 01/02/2024 bà Vi Thúy T3 là mẹ đẻ của ông Đinh Văn T1 trình bày: quá trình chung sống vợ chồng ông T1, bà T chưa xảy ra cãi vã, xô xát gì. Tuy nhiên từ năm 2021 bà T đi làm công nhân, có dấu hiệu xa rời gia đình, chỉ thỉnh thoảng về thăm con và sinh hoạt tại nhà bố mẹ đẻ của bà T. Kể từ khi đi làm công nhân bà T và ông T1 không ở với nhau, tuy nhiên vẫn liên lạc và thăm con.

Ông Đinh Văn L là bố của bà Đinh Thị T trình bày về mâu thuẫn của hai vợ chồng ông T1 và bà T phát sinh do ông T1 đi làm nhưng không đưa tiền sinh hoạt phí cho gia đình mà đều do bà T tự chi trả. Ngoài ra ông được biết do bà T không sinh được con trai nên dẫn đến vợ chồng không hòa thuận, có lần ông được bà T kể

lại việc ông T1 có mối quan hệ ngoại tình với người khác nhưng cụ thể là ai thì ông không năm được.

Xác minh tại nơi cư trú, ông Nông Văn P là Trưởng xóm E, xã C, thành phố C cho biết về mâu thuẫn giữa bà Đinh Thị T và ông Đinh Văn T1 xóm không nắm được vì ông T1, bà T chưa xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, xô xát gì với nhau và chưa bao giờ nhờ đến xóm tiến hành hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng ông Đinh Văn T1 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Đinh Thị T và ông Đinh Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H (nay thuộc thành phố C), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn mà theo bà T là do ông T1 có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến tình cảm lạnh nhạt dần. Hiện nay vợ chồng bà T, ông T1 đã ly thân được 03 năm và bà T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Về phía ông T1 vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con. Mặc dù mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông T1 chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống nhưng thời gian ly thân đã được 03 năm nên bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ. Về con chung, hiện nay cả hai con chung đang ở với ông T1, để đảm bảo đời sống cho các con được ổn định thì việc giao con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều kiện của ông T1, bà T và nguyện vọng của cháu Đinh Ngọc D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Đinh Văn T1 trú tại xóm E, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đinh Thị T và ông Đinh Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H (nay thuộc Thành phố C), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T1 đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ khi bà T đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh.

Về mâu thuẫn vợ chồng: bà Đinh Thị T cho rằng từ lúc bà sinh con thứ hai (năm 2020) ông T1 đã có quan hệ ngoại tình với người khác đến nay vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Ông Đinh Văn T1 không thừa nhận việc có quan hệ ngoại tình với người khác và cho rằng mâu thuẫn phát sinh do ông đi làm lái xe ở bãi đá gần nhà và muốn bà T ở nhà chăm sóc 02 con nhưng bà T không nhất trí, đến năm 2022 bà T đã đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh và từ đó giữa ông và bà T không còn liên lạc với nhau.

Mặc dù ông T1 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T vì ông vẫn còn tình cảm và mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, từ năm 2022 bà T và ông T1 đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau cho đến nay, trong suốt khoảng thời gian sống ly thân ông T1 cũng không có hành vi nào thể hiện mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân với bà T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do. Sau khi thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian mở lại phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt và không có hành động nào thể hiện mong muốn được hòa giải đoàn tụ nhằm cứu vãn cuộc hôn nhân của ông với bà T.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sống ly thân vợ chồng ông T1, bà T đã không còn quan tâm, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 02 con chung là Đinh Ngọc D, sinh ngày 29/10/2014 (giới tính: Nữ) và Đinh Ngọc Bảo T2, sinh ngày 02/5/2020 (Giới tính: Nữ).

Sau khi ly hôn bà T đề nghị ông T1 sẽ có trách nhiệm nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và bà sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/cháu. Ông T1 cũng có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/cháu. Xét thấy, ý kiến của bà T và ông T1 về giải quyết vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con là thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đinh Ngọc D nên cần ghi nhận ý kiến đã thống nhất của các đương sự.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

Bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T về việc ly hôn với ông Đinh Văn T1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Đinh Văn T1.

1.2. Về con chung: Giao cho ông Đinh Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đinh Ngọc D, sinh ngày 29/10/2014 (giới tính: Nữ) và Đinh Ngọc Bảo T2, sinh ngày 02/5/2020 (Giới tính: Nữ) đến tuổi trưởng thành. Bà Đinh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/cháu từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi xét thấy cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3.Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước. Tổng cộng bà T phải chịu 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000902 ngày 15/12/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, nay bà T còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền